

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yên Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thủy

2. Ông Phạm Quốc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm

Ngày 10/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07/11/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Lê Văn H, sinh năm 1966

Địa chỉ: số 256, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

- **Bị đơn:** bà Nguyễn Thị Giao X, sinh năm 1980

Địa chỉ: số 93, ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre

(ông H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà X vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông H và bà Nguyễn Thị Giao X tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/8/2002. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống không còn hạnh phúc. Nay ông H xác định không còn tình cảm với bà X nữa, ông yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: ông H yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Giao X.

- Về con chung: ông H và bà Nguyễn Thị Giao X có 1 con chung là Lê Nguyễn Thiên N, sinh ngày 02/9/2002. Con chung hiện đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: ông H khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: ông H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Do bận đi làm nên ông H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Giao X đến để tiến hành hòa giải nhưng bà X vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện G mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Nguyên đơn ông Lê Văn H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Giao X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Giao X. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn*”.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Giao X hiện đang cư trú tại ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Ông Lê Văn H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Giao X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà X.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Giao X tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/8/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, ông H cho rằng ông và bà X bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống không còn hạnh phúc. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà X nữa nên xin được ly hôn. Về phía bà X, kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà X tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà X đã không đến Tòa án và cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông H. Qua

đó, cho thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn; bà X có thái độ bỏ mặc, không hề có ý mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông H.

Từ những phân tích trên xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Giao X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì cả hai bên đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân vì thế không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Giao X có 1 con chung là Lê Nguyễn Thiên N, sinh ngày 02/9/2002. Con chung hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: ông Lê Văn H khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: ông Lê Văn H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Lê Văn H phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Giao X, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Giao X.

- Về con chung: ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Giao X có 1 con chung là Lê Nguyễn Thiên N, sinh ngày 02/9/2002. Con chung hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: ông Lê Văn H khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: ông Lê Văn H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Lê Văn H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011015 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Ông H đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Giao X vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P, TPBT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương